

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

Ngành: Văn học (Literature)

Mã ngành: 7229030

Thời gian đào tạo: 4 năm

Danh hiệu: Cử nhân

Đơn vị quản lý: Bộ môn Ngữ văn, Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn

1. Mục tiêu đào tạo

1.1 Mục tiêu đào tạo chung

Chương trình Văn học trình độ đại học đào tạo cử nhân có kiến thức chuyên môn toàn diện, đặc biệt trong lĩnh vực văn học và ngôn ngữ, đồng thời có kiến thức chuyên ngành mở rộng về văn hoá và báo chí. Chương trình đào tạo cũng giúp người học có kỹ năng nghề nghiệp vững vàng, có khả năng sử dụng ngoại ngữ cơ bản với các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tương đương bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam; có kiến thức về công nghệ thông tin cơ bản đáp ứng quy định của trình độ đào tạo; có kiến thức cơ bản về khoa học chính trị, xã hội, pháp luật, giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng và an ninh; có khả năng tự học, tự nghiên cứu đa dạng, tự duy năng động sáng tạo thích nghi với sự phát triển của thế giới; có sức khoẻ, có lòng yêu nghề, có đạo đức nghề nghiệp, có năng lực và tinh thần sẵn sàng phục vụ sự phát triển của đất nước và yêu cầu của quốc tế.

1.2 Mục tiêu đào tạo cụ thể

Chương trình Văn học đào tạo cử nhân có trình độ đại học với những phẩm chất đạo đức, kiến thức và kỹ năng như sau:

a. Trang bị cho sinh viên những khả năng chuyên môn, những hiểu biết lý luận và thực tiễn cũng như phương pháp làm việc khoa học thuộc lĩnh vực văn học và ngôn ngữ.

b. Trang bị cho sinh viên những kiến thức chuyên ngành mở rộng, có kỹ năng nghề nghiệp đa dạng trong các lĩnh vực ứng dụng như nghiên cứu văn hoá, thực hành báo chí, các lĩnh vực hành chính công vụ.

c. Rèn luyện tác phong chuyên nghiệp, có kỹ năng giao tiếp và kỹ năng thực hành văn bản. Đồng thời trang bị những phương pháp khoa học hiệu quả giúp sinh viên có khả năng tự học, tự nghiên cứu trong bối cảnh văn hoá toàn cầu đa dạng.

d. Rèn luyện năng lực làm việc độc lập, năng lực làm việc nhóm, đáp ứng yêu cầu xã hội. Đồng thời trang bị trình độ lý luận chính trị và nhân văn giúp sinh viên có lòng yêu nghề, sẵn sàng phục vụ đất nước.

2. Chuẩn đầu ra

Hoàn thành chương trình đào tạo Văn học trình độ đại học, người học nắm vững các kiến thức, có những kỹ năng và thể hiện được mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân như sau:

2.1 Kiến thức

2.1.1 Khối kiến thức giáo dục đại cương

a. Có khả năng, nhớ, hiểu, vận dụng được những kiến thức về nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, tư tưởng Hồ Chí Minh; nhớ và hiểu một số kiến thức cơ bản về khoa học chính trị, khoa học xã hội và nhân văn, kiến thức pháp luật, kiến thức giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng - an ninh, các chủ trương, đường lối phát triển kinh tế xã hội của Đảng và Nhà nước; vận dụng được một số kỹ năng mềm, kỹ năng nghề nghiệp đổi mới và sáng tạo.

b. Có sự hiểu biết và vận dụng kiến thức cơ bản về tin học tương ứng khả năng phát triển nghề nghiệp; có kỹ năng, kiến thức về soạn thảo văn bản hành chính và tổ chức, lưu trữ hồ sơ cơ quan.

c. Hiểu và vận dụng được các kiến thức cơ bản về tiếng Anh hoặc tiếng Pháp tương đương trình độ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam (B1 theo khung tham chiếu Châu Âu).

2.1.2 Khối kiến thức cơ sở ngành

a. Sinh viên nhớ, hiểu và vận dụng được kiến thức nền tảng để có thể phân tích nghiên cứu chuyên sâu sau này ở lĩnh vực văn học và ngữ học như: kiến thức về nguyên lý lý luận văn học, tác phẩm và thể loại văn học, tiến trình văn học.

b. Nhớ và vận dụng chữ Hán và chữ Nôm, kiến thức ngữ âm, từ vựng - ngữ nghĩa, ngữ pháp và phong cách ngôn ngữ của tiếng Việt để phân tích, đánh giá trong nghiên cứu tiếng Việt và văn học Việt Nam.

c. Hiểu và vận dụng kiến thức nền tảng về văn hoá học, mỹ học và nghệ thuật học; kỹ năng giao tiếp xã hội.

d. Hiểu và vận dụng kiến thức nền để sinh viên lựa chọn phát triển nghề nghiệp sau này về từ ngữ Hán Việt (lĩnh vực nghiên cứu ngôn ngữ), phê bình văn học Việt Nam hiện đại, các thể thơ Việt Nam (lĩnh vực nghiên cứu văn học) và báo chí truyền thông (lĩnh vực thực hành báo chí).

2.1.3 Khối kiến thức chuyên ngành

a. Hiểu, vận dụng, phân tích và đánh giá được những kiến thức chuyên sâu về văn học dân gian và văn học viết Việt Nam qua các giai đoạn phát triển.

b. Hiểu, phân tích và tổng hợp kiến thức văn học về một số nền văn học lớn, tiêu biểu và ảnh hưởng sâu sắc đến văn học Việt Nam như văn học Hy Lạp - La Mã cổ đại; văn học Anh, Pháp, Nga; văn học Mỹ và các nước Mỹ Latinh; văn học Trung Quốc, Ấn Độ, Nhật Bản và văn học các nước Đông Nam Á.

c. Phân tích, tổng hợp và đánh giá kiến thức chuyên sâu về phương pháp nghiên cứu văn học và nền tảng về lý luận văn học đương đại cũng như việc vận dụng các kiến thức trong thực hành nghiên cứu khoa học (Niên luận, Tiểu luận, Luận văn) và thực tế ngoài trường.

d. Vận dụng, phân tích, đánh giá được khối kiến thức nghề nghiệp trang bị kiến thức và kỹ năng theo nghiệp cho sinh viên theo hai hướng là nghiên cứu văn học, ngôn ngữ và văn hoá hoặc công tác hành chính, báo chí.

2.2 Kỹ năng

2.2.1 Kỹ năng cứng

a. Hiểu, vận dụng, phân tích, đánh giá chuyên sâu về các vấn đề văn học và ngôn ngữ.

b. Hiểu và vận dụng kiến thức để nghiên cứu và làm việc thuộc lĩnh vực văn hoá, quản lý hành chính.

c. Vận dụng, phân tích, tổng hợp và đánh giá kiến thức để viết và biên tập các loại văn bản, bao gồm báo chí và xuất bản.

d. Vận dụng, phân tích, tổng hợp và đánh giá kiến thức để giảng dạy từ trung cấp đến đại học các chuyên ngành thuộc lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn như văn học, ngôn ngữ, văn hoá và nghệ thuật.

2.2.2 Kỹ năng mềm

a. Hiểu và vận dụng hiệu quả kỹ năng giải quyết vấn đề hiệu quả; kỹ năng thuyết trình, nói trước công chúng.

b. Hiểu và vận dụng kỹ năng giao tiếp đa văn hoá; kỹ năng ứng xử xã hội.

c. Hiểu, vận dụng, tổng hợp và đánh giá được khả năng qua kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng làm việc hợp tác tích cực, chủ động và sáng tạo.

d. Hiểu, vận dụng, tổng hợp và đánh giá được khả năng qua kỹ năng làm việc độc lập, kỹ năng tự học, tự nghiên cứu nâng cao trình độ nghề nghiệp.

2.3 Thái độ/Mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân

a. Hiểu và phân tích được vai trò, trách nhiệm công dân như có tinh thần yêu nước, sẵn sàng công hiến cho đất nước.

b. Vận dụng, đánh giá được nhận thức để hình thành văn hoá công sở, tác phong nghề nghiệp như có ý thức chấp hành pháp luật, có ý thức trách nhiệm công dân và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn.

c. Có hiểu biết chuyên sâu, khả năng tổng hợp, đánh giá để hình thành ý thức nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ; có ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần làm việc tập thể.

d. Hiểu biết, vận dụng, phân tích, đánh giá được kiến thức nhằm thể hiện năng lực cảm thụ thẩm mỹ, nhận thức sâu sắc về các giá trị văn hóa, nhân văn.

3. Vị trí việc làm của người học sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp, sinh viên ngành Văn học có những cơ hội nghề nghiệp sau:

- Nghiên cứu văn học, ngôn ngữ, văn hoá và một số ngành có liên quan tại các Viện, Trung tâm nghiên cứu thuộc khối khoa học xã hội và nhân văn.

- Giảng dạy các vấn đề về văn học, ngôn ngữ, văn hoá, hành chính từ trung cấp đến đại học.

- Làm phóng viên, biên tập viên, cộng tác viên cho các cơ quan thông tấn báo chí, xuất bản, các đài phát thanh và truyền hình...

- Làm công tác văn phòng ở các cơ quan như: văn hóa thông tin, thư viện, bảo tàng, cơ quan quản lý giáo dục, cơ quan hành chính sự nghiệp và các doanh nghiệp.

4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

- Có thể học tiếp lên Thạc sĩ và Tiến sĩ ở các ngành: Lý luận văn học, Văn học Việt Nam, Ngôn ngữ học, Văn học nước ngoài, Lý luận và phương pháp dạy học Văn và tiếng Việt... và một số ngành gần với khối khoa học xã hội và nhân văn như Văn hoá học, Xã hội học, Việt Nam học, Nhân loại học...

- Có thể tham gia các khóa đào tạo ngắn hạn chuyên sâu về lĩnh vực báo chí, xuất bản, quản lý văn phòng,... để phục vụ trực tiếp cho chuyên môn theo yêu cầu của cơ quan quản lý và sử dụng lao động.

5. Các chương trình đào tạo, tài liệu, chuẩn quốc gia và quốc tế tham khảo

- Chương trình đào tạo ngành Văn học hiện hành của Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn- Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

- Chương trình đào tạo ngành Văn học hiện hành của Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.

- Chương trình đào tạo ngành Văn học hiện hành của Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn- Đại học Quốc gia Hà Nội.

6. Khung chương trình đào tạo

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần tiên quyết	Học phần song hành	HK thực hiện
Khối kiến thức Giáo dục đại cương										
1	QP006	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*)	2	2		30		Bố trí theo nhóm ngành		
2	QP007	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (*)	2	2		30		Bố trí theo nhóm ngành		
3	QP008	Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*)	3	3		20	65	Bố trí theo nhóm ngành		
4	QP009	Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*)	1	1		10	10	Bố trí theo nhóm ngành		
5	TC100	Giáo dục thể chất 1+2+3 (*)	1+1+1		3		90			I,II,III
6	XH023	Anh văn căn bản 1 (*)	4		10TC nhóm AV hoặc nhóm PV	60				I,II,III
7	XH024	Anh văn căn bản 2 (*)	3			45		XH023		I,II,III
8	XH025	Anh văn căn bản 3 (*)	3			45		XH024		I,II,III
9	XH031	Anh văn tăng cường 1 (*)	4			60		XH025		I,II,III
10	XH032	Anh văn tăng cường 2 (*)	3			45		XH031		I,II,III
11	XH033	Anh văn tăng cường 3 (*)	3			45		XH032		I,II,III
12	FL001	Pháp văn căn bản 1 (*)	4			60				I,II,III
13	FL002	Pháp văn căn bản 2 (*)	3			45		FL001		I,II,III
14	FL003	Pháp văn căn bản 3 (*)	3			45		FL002		I,II,III
15	FL007	Pháp văn tăng cường 1 (*)	4			60		FL003		I,II,III
16	FL008	Pháp văn tăng cường 2 (*)	3		45		FL007		I,II,III	
17	FL009	Pháp văn tăng cường 3 (*)	3		45		FL008		I,II,III	
18	TN033	Tin học căn bản (*)	1	1		15				I,II,III
19	TN034	TT. Tin học căn bản (*)	2	2			60		TN033	I,II,III
20	ML014	Triết học Mác - Lênin	3	3		45				I,II,III
21	ML016	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2		30		ML014		I,II,III
22	ML018	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2		30		ML016		I,II,III
23	ML019	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2		30		ML018		I,II,III
24	ML021	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		30		ML019		I,II,III
25	KL001	Pháp luật đại cương	2	2		30				I,II,III
26	ML007	Logic học đại cương	2		2	30				I,II,III
27	XH028	Xã hội học đại cương	2			30				I,II,III
28	XH012	Tiếng Việt thực hành	2			30				I,II,III
29	XH014	Văn bản và lưu trữ học đại cương	2			30				I,II,III
30	KN001	Kỹ năng mềm	2			20	20			I,II,III
31	KN002	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	2			20	20			I,II,III
Cộng: 39 TC (Bắt buộc 23 TC; Tự chọn: 15TC)										
Khối kiến thức cơ sở ngành										
32	XH016	Mỹ học đại cương	2	2		30				I,II
33	XN204	Đại cương văn hóa Việt Nam	3	3		45				I,II
34	XN209	Nghệ thuật học	2	2		30				I,II
35	XN216	Nguyên lý lý luận văn học	3	3		45				I,II
36	SP514	Tác phẩm văn học và thể loại văn học	3	3		45		XN216		I,II
37	SP531	Tiến trình văn học	2	2		30		XN216	SP514	I,II
38	XH194	Hán văn cơ sở	3	3		45				I,II
39	XH195	Hán văn nâng cao	2	2		30		XH194		I,II
40	XH196	Chữ Nôm	3	3		45		XH194	XH195	I,II
41	XN214	Ngữ âm - Từ vựng - Ngữ nghĩa tiếng Việt	3	3		45				I,II
42	XN215	Ngữ pháp học tiếng Việt	3	3		45		XN214		I,II
43	SP533	Phong cách học tiếng Việt	2	2		30		XN214		I,II
44	XH193	Kỹ năng giao tiếp xã hội	2	2		30				I,II
45	XH580	Từ Hán Việt	2		4	30		XN214		I,II
46	XN201	Báo chí truyền thông đại cương	2			30				I,II
47	XN219	Phê bình văn học Việt Nam hiện đại	2			30				I,II
48	XH114	Các thể thơ Việt Nam	2			30		XN237		I,II
Cộng: 37TC (Bắt buộc 33 TC; Tự chọn: 4 TC)										
Khối kiến thức chuyên ngành										
49	XH567	Văn học dân gian đại cương	3	3		45				I,II
50	XN240	Văn học Việt Nam từ thế kỷ X đến giữa thế kỷ XVIII	3	3		45				I,II

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần tiên quyết	Học phần song hành	HK thực hiện
51	XN239	Văn học Việt Nam từ giữa thế kỷ XVIII đến hết thế kỷ XIX	4	4		60		XN240		I,II
52	XN236	Văn học Việt Nam 1900-1945	4	4		60		XN239		I,II
53	XN237	Văn học Việt Nam 1945-1975	3	3		45		XN236	XN238	I,II
54	XN238	Văn học Việt Nam từ 1975 đến nay	2	2		30		XN236	XN237	I,II
55	XN235	Văn học Trung Quốc	4	4		60				I,II
56	XN228	Văn học Ấn Độ và Đông Bắc Á	2	2		30				I,II
57	XN231	Văn học Hy Lạp - La Mã cổ đại	2	2		30				
58	XN242	Văn học Anh - Pháp	4	4		60				I,II
59	XN233	Văn học Nga	4	4		60				I,II
60	XN232	Văn học Mỹ và các nước Mỹ Latinh	2	2		30				I,II
61	XN208	Lý luận văn học đương đại	3	3		45		XN216		I,II
62	XH116	Phương pháp nghiên cứu văn học	2	2		30				I,II
63	XH191	Niên luận - Ngữ văn	3	3			90	>60 TC		I,II
64	XH218	Thực tế ngoài trường - Văn học	2	2			60			I,II
65	XN222	Sáng tác và biên tập tác phẩm văn chương	2			30		SP514		I,II
66	XH113	Ngôn ngữ văn chương	2			30		XN236		I,II
67	SG298	Ngữ dụng học tiếng Việt	2			30				I,II
68	XN223	Tạo lập văn bản và giao tiếp hành chính	2			30				I,II
69	XN227	Văn hoá Nam bộ	2			30		XN204		I,II
70	XN243	Kịch bản truyền thông	2			30				I,II
71	XN202	Biên tập các loại hình báo chí truyền thông	2			30				I,II
72	XN213	Nghiệp vụ nhà báo	2				60			I,II
73	XN223	Tạo lập văn bản và giao tiếp hành chính	2			30				I,II
74	XH117	Ngôn ngữ báo chí	2			30				I,II
75	XN224	Thể loại báo chí	2			30				I,II
76	XN243	Kịch bản truyền thông	2			30				I,II
77	XH347	Luận văn tốt nghiệp - Văn học	10				300	>105TC		I,II
78	XH346	Tiểu luận tốt nghiệp - Văn học	4				120	>105TC		I,II
79	XN199	Ngữ pháp học chức năng tiếng Việt	2			30		XN215		I,II
80	XH579	Tiểu thuyết Việt Nam hiện đại	2			30		XN236		I,II
81	XN230	Văn học Đông Nam Á	2			30				I,II
82	XH581	Tiểu thuyết cổ điển Trung Quốc	2			30		XN235		I,II
83	SP596	Văn học Đồng bằng sông Cửu Long sau 1975	2			30		XN238		I,II
84	XN229	Văn học dân gian Nam bộ	2			30		XH567		I,II
85	XH583	Tiếp nhận văn học	2			30		SP514		I,II
Cộng: 65TC (Bắt buộc: 47 TC; Tự chọn: 18 TC)										
Tổng cộng: 141 TC (Bắt buộc: 104 TC; Tự chọn: 37 TC)										

(*): là học phần điều kiện, không tính điểm trung bình chung tích lũy. Sinh viên có thể hoàn thành các học phần trên bằng hình thức nộp chứng chỉ theo quy định của Trường Đại học Cần Thơ hoặc học tích lũy.

Ngày 30 tháng 7 năm 2019



Hà Thanh Toàn

HỘI ĐỒNG KH&ĐT
CHỦ TỊCH

Lê Việt Dũng

KHOA KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN
TRƯỞNG KHOA

Thái Công Dân